

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



CHƯƠNG TRÌNH  
**ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**  
*THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ*  
NGÀNH: QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

THÁI NGUYÊN NĂM 2019

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP



CHƯƠNG TRÌNH  
**ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**  
*THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ*  
NGÀNH: QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

*Chương trình khung ngành Quản lý công nghiệp này đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp thông qua và nghiệm thu*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KH & ĐT  
HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

THÁI NGUYÊN NĂM 2019

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 8 năm 2019

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành đào tạo: Quản lý công nghiệp; Mã ngành: 7510601**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 456/QĐ – ĐHKTCN ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp về việc ban hành chương trình đào tạo ngành Quản lý công nghiệp trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ.*

### I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu chung

Cung cấp một chương trình đào tạo có tính toàn diện, hiện đại, gắn kết với thực hành các kỹ năng cần thiết cho các cử nhân chuyên ngành Quản lý công nghiệp nhằm chuẩn bị cho sự nghiệp thành công trong môi trường làm việc chuyên nghiệp và năng động.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

Cử nhân tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên được đào tạo chuyên sâu về tư duy kinh tế, được trang bị các kiến thức về quản lý sản xuất và quản lý dự án đặc biệt phù hợp với môi trường làm việc trong các tổ chức và doanh nghiệp công nghiệp.

Bên cạnh đó, sinh viên được bổ sung các kiến thức về quản lý các lĩnh vực khác nhau như nhân sự, marketing, tài chính,... để có thể thích ứng với nhiều vị trí công việc khác nhau. Trên cơ sở hệ thống lý luận và thực tiễn được trang bị, có khả năng làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có tác phong làm việc chuyên nghiệp, có kỹ năng phân tích, tổng hợp vấn đề; bảo đảm hoạt động một cách có hiệu quả trong công tác chuyên môn.

### II. CHUẨN ĐẦU RA

#### 2.1. Kiến thức:

- Trình độ lý luận Chính trị Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh:
- + Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam.
- + Hình thành được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.
- + Thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng trong hành vi và các ứng xử hàng ngày.

- Kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên: Biết, hiểu, vận dụng các quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên vào việc phân tích và đề xuất các chính sách kinh tế (Toán, xã hội học, luật kinh tế).

Khối kiến thức cơ sở ngành cung cấp các công cụ để xác lập căn cứ khoa học cho việc ra quyết định quản trị: Toán kinh tế, quản trị học, kinh tế học, tin học ứng dụng, thống kê công nghiệp, phân tích hoạt động kinh doanh, kế toán quản trị...

- Khối kiến thức chuyên ngành cung cấp các kiến thức giúp sinh viên có khả năng giải quyết các vấn đề trong phạm vi nghề nghiệp:

- + Quản lý sản xuất công nghiệp;
- + Quản lý đề án, dự án.

## **2.2. Kỹ năng:**

- *Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu*

Rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu qua việc nâng cao tính chủ động trong khai thác thông tin mới và nghiên cứu khoa học nhằm nâng cao trình độ và tự hoàn thiện bản thân.

- *Kỹ năng mềm*

+ Kỹ năng làm việc theo nhóm

Có khả năng tổ chức nhóm, làm việc hiệu quả ở mọi vai trò của nhóm. Có tinh thần phối hợp làm việc với các thành viên trong nhóm.

+ Kỹ năng giao tiếp

Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thuyết trình và báo cáo miệng trong giao tiếp kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng viết thư thương mại và các văn bản phổ biến trong kinh doanh (đề xuất kinh doanh, hợp đồng, báo cáo...).

+ Kỹ năng ngoại ngữ

Rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ nước ngoài (tiếng Anh) trong tham khảo tài liệu chuyên môn và giao tiếp.

+ Kỹ sử dụng công nghệ thông tin

Sinh viên được rèn luyện kỹ năng sử dụng máy tính hiệu quả với các công cụ Microsoft Office, Web, các phần mềm SPSS, CRM,...

- *Kỹ năng chuyên môn*

+ Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin

Sinh viên được rèn luyện để nâng cao khả năng thu thập các thông tin đa chiều từ các nguồn; tổng hợp, phân loại, phân tích và xử lý thông tin thành các nội dung cần thiết phục vụ cho học tập, nghiên cứu.

+ Kỹ năng lập kế hoạch, xây dựng dự án

Rèn luyện nâng cao khả năng lập các kế hoạch về nhân sự, tài chính, marketing, tác nghiệp,... và xây dựng các dự án để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, công việc khác nhau của doanh nghiệp.

### 2.3. Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị, có tư cách đạo đức và đủ sức khoẻ để tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc; Có lối sống và làm việc tích cực, tuân thủ theo pháp luật, có trách nhiệm công dân và ý thức cộng đồng.

- Có thái độ tích cực trong công việc, có tính kỷ luật, tôn trọng nội quy của doanh nghiệp và tổ chức, tinh thần chủ động trong công việc được giao, lòng say mê khoa học và tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn.

- Có đạo đức kinh doanh, ý thức về giá trị nghề nghiệp và những vấn đề đương đại. Nhạy bén, linh hoạt trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước cũng như trong xu thế toàn cầu hoá.

### 2.4. Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp:

Sau khi tốt nghiệp các cử nhân của ngành có thể:

- Làm việc ở vị trí một cán bộ kinh doanh hoặc quản trị kinh doanh trong các loại hình doanh nghiệp của nền kinh tế, đặc biệt có lợi thế trong các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp.

- Làm việc trong các tổ chức phi lợi nhuận, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ.

- Tự tạo lập doanh nghiệp hoặc tự tìm kiếm cơ hội kinh doanh cho bản thân.

- Làm việc trong các sở, ban, ngành thuộc các cơ quan chính quyền.

- Làm cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về quản trị kinh doanh tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo hoặc cơ quan hoạch định chính sách kinh doanh.

### 2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo.

- Nâng cao trình độ sau đại học (bậc thạc sỹ và tiến sỹ) các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo trong nước và ngoài nước.

## III. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 3.1. Thời gian đào tạo và khối kiến thức:

Thời gian đào tạo:	04 năm
Khối kiến thức:	125 tín chỉ

### 3.2. Cấu trúc các khối kiến thức:

3.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương	33 tín chỉ, chiếm 26,4 %
3.2.2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	92 tín chỉ, chiếm 73,6 %

Trong đó:

+ Khối kiến thức cơ sở ngành	48 tín chỉ, chiếm 38,4%
+ Khối kiến thức chuyên ngành	33 tín chỉ, chiếm 26,4 %
+ Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	11 tín chỉ, chiếm 8,8%

#### IV. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết lý thuyết	Số tiết TN, TH	Khoa, trung tâm đảm nhiệm	Ghi chú
<b>I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>							
1	BAS123	Triết học Mác - Lênin	3	45	0	Bộ môn LLCT	
2	BAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0		
3	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		
4	BAS217	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0		
5	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		
6	BAS0108	Đại số tuyến tính	2	30	0	KHCB	
7	BAS109	Giải tích 1	4	60	0		
8	BAS0210	Xác suất và thống kê	2	30	0		
9	ENG112	Tiếng Anh 1	3	45	0	Quốc tế	
10	ENG113	Tiếng Anh 2	3	45	0		
11	ENG217	Tiếng Anh 3	3	45	0		
12		Giáo dục quốc phòng				TTGDQP	
13	FIM207	Pháp luật đại cương	2	30	0	KTCN	
14	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc				Khoa KHCB	
15		<b>Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 1 học phần hoặc 1 trong 2 học phần)</b>					
15.1	BAS0110	Giáo dục thể chất tự chọn cơ bản				Khoa KHCB	
15.2	BAS0113	Giáo dục thể chất tự chọn nâng cao					
16		<b>Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 2 HP)</b>	<b>3</b>				
16.1	FIM342	Lịch sử các học thuyết kinh tế	(3)	45	0	KTCN	
16.2	BAS119	Xã hội học	(3)	45	0	LLCT	
		<b>Tổng</b>	<b>33</b>				
<b>II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>							
<b>1. Khối kiến thức cơ sở ngành</b>							
17	MEC0336	Kỹ thuật cơ khí đại cương	3	45	0	Khoa Cơ khí	
18	ELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3	45	0	Khoa Điện	
19	FIM330	Luật kinh doanh	2	30		Khoa KTCN	
20	FIM214	Toán Kinh tế	3	45			
21	FIM204	Kinh tế học vi mô	3	45			
22	FIM205	Kinh tế học vĩ mô	3	45			
23	FIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45			
24	FIM206	Nguyên lý kế toán	3	45			
25	FIM331	Marketing căn bản	3	45			
26	FIM371	Thống kê doanh nghiệp	3	45			
27	FIM213	Nguyên lý thống kê	2	30			
28	FIM482	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45			

29	FIM208	Quản trị học	3	45			
30	FIM325	Kế toán quản trị 2	2	30			
31	FIM334	Tài chính doanh nghiệp	3	45			
32	FIM497	Giao tiếp kinh doanh	3	45			
33	FIM0389	Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính và hợp đồng kinh doanh	2	16	14		
34	FIM0380	Đề án Kinh tế học	1	0	15		
		<b>Tổng</b>	<b>48</b>				
<b>2. Khối kiến thức ngành Quản lý công nghiệp</b>							
35	FIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3	45			
36	FIM364	Quản trị chất lượng	3	45			
37	FIM361	Quản lý dự án	4	60			
38	FIM0324	Quản lý sản xuất công nghiệp	4	60			
39	FIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45		Khoa KTCN	
40	FIM489	Quản trị chiến lược	3	45			
41	FIM451	Quản lý công nghệ	2	45			
42	FIM0390	Định mức lao động	2	45			
43	FIM367	Kinh tế công nghiệp	3	45			
44	FIM323	Đề án Quản lý dự án	1	0	15		
45	FIM369	Đề án Quản lý sản xuất công nghiệp	1	0	15		
46	<b>Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 2 HP)</b>		<b>2</b>				
46.1	FIM499	Đấu thầu	(2)	30			
46.2	FIM4100	Tin học trong quản lý dự án	(2)	8	22		
47	<b>Tự chọn 3 (Chọn 1 trong 2 HP)</b>		<b>2</b>			Khoa KTCN	
47.1	FIM4101	Quản trị thương mại trong DNCN	(2)	30			
47.2	FIM490	Kinh doanh quốc tế	(2)	30			
		<b>Tổng</b>	<b>33</b>				
<b>3. Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp</b>							
48	FIM0381	Thực tập cơ sở ngành Quản lý công nghiệp	2	3	27		
49	FIM4103	Thực tập tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	3	0		Khoa KTCN	
50	FIM4104	Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	6	0			
		<b>Tổng</b>	<b>11</b>				
		<b>Cộng I + II</b>	<b>125</b>				

**V. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP****HỌC KỲ 1**

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS123	Triết học Mác - Lênin	3		
2	BAS0108	Đại số tuyến tính	2		
3	ENG112	Tiếng Anh 1	3		
4	FIM204	Kinh tế học vi mô	3		
5		<b>Tự chọn 1 (Chọn 1 trong 2 học phần)</b>	<b>3</b>		
5.1	FIM342	Lịch sử các học thuyết kinh tế	(3)		
5.2	BAS119	Xã hội học	(3)		
8	BAS0109	Giáo dục thể chất bắt buộc			
		<b>Tổng</b>	<b>14</b>		

**HỌC KỲ 2**

STT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS215	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2		
2	FIM207	Pháp luật đại cương	2		
3	BAS109	Giải tích 1	4		
4	FIM205	Kinh tế học vĩ mô	3		
5	ELE0205	Kỹ thuật điện đại cương	3		
6		Giáo dục quốc phòng			
7		<b>Giáo dục thể chất tự chọn (chọn 1 học phần hoặc 1 trong 2 học phần)</b>			
7.1	BAS0110	Giáo dục thể chất tự chọn cơ bản			
7.2	BAS0113	Giáo dục thể chất tự chọn nâng cao			
		<b>Tổng</b>	<b>14</b>		

**HỌC KỲ 3**

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	ENG113	Tiếng Anh 2	3		
2	FIM330	Luật kinh doanh	2		
3	BAS0210	Xác suất và thống kê	2		
4	FIM208	Quản trị học	3		



5	FIM216	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3		
6	FIM206	Nguyên lý kế toán	3		
7	BAS206	Giáo dục thể chất 3			
8	FIM0380	Đề án Kinh tế học	1		
		<b>Tổng</b>	<b>17</b>		

#### HỌC KỲ 4

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS305	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		
2	ENG217	Tiếng Anh 3	3		
3	FIM213	Nguyên lý thống kê	2		
4	FIM214	Toán Kinh tế	3		
5	FIM331	Marketing căn bản	3		
6	MEC0336	Kỹ thuật cơ khí đại cương	3		
7	FIM0389	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính và hợp đồng kinh doanh	2		
		<b>Tổng</b>	<b>18</b>		

#### HỌC KỲ 5

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	BAS110	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		
2	FIM371	Thống kê doanh nghiệp	3		
3	FIM358	Phân tích hoạt động kinh doanh	3		
4	FIM497	Giao tiếp kinh doanh	3		
5	FIM334	Tài chính doanh nghiệp	3		
6	FIM0324	Quản lý sản xuất công nghiệp	4		
		<b>Tổng</b>	<b>18</b>		

#### HỌC KỲ 6

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	FIM0381	Thực tập cơ sở ngành Quản lý công nghiệp	2		
2	FIM364	Quản trị chất lượng	3		
3	FIM489	Quản trị chiến lược	3		
4	FIM361	Quản lý dự án	4		

		<b>Tự chọn 2 (Chọn 1 trong 2 học phần)</b>	<b>2</b>		
5	FIM499	Đấu thầu	(2)		
	FIM439	Marketing công nghiệp	(2)		
6	FIM369	ĐA Quản lý sản xuất công nghiệp	1		
7	FIM451	Quản lý công nghệ	2		
		<b>Tổng</b>	<b>17</b>		

#### HỌC KỲ 7

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	FIM362	Quản trị nguồn nhân lực	3		
2	FIM363	Quản trị chuỗi cung ứng	3		
3	FIM367	Kinh tế công nghiệp	3		
4	FIM323	ĐA quản lý dự án	1		
5	FIM325	Kế toán quản trị 2	2		
6	FIM0390	Định mức lao động	2		
7	BAS217	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2		
		<b>Tự chọn 3 (chọn 1 trong 2 học phần)</b>	<b>2</b>		
8	FIM4101	Quản trị thương mại trong DNCN	(2)		
	FIM490	Kinh doanh quốc tế	(2)		
		<b>Tổng</b>	<b>18</b>		

#### HỌC KỲ 8

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết TN,TH	Ghi chú
1	FIM4103	Thực tập tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	3		
2	FIM4104	Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp	6		
		<b>Tổng</b>	<b>9</b>		

## **VI. MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN**

### **1. Triết học Mác – Lênin**

**3TC**

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc trong hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo. Nội dung của môn học bao gồm 03 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

### **2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin**

**2TC**

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6, trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

### **3. Chủ nghĩa xã hội khoa học**

**2TC**

Nội dung học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học, bao gồm các vấn đề như: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

### **4. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam**

**2TC**

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

### **5. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

**2TC**

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: chương 1: trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; chương 2 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư

tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức con người. Là học phần bắt buộc được giảng dạy trong chương trình đào tạo cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Các học phần tiên quyết gồm: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

### **6. Đại số tuyến tính**

**2TC**

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; Không gian véc tơ, không gian Euclid; Ánh xạ tuyến tính; Trị riêng, véc tơ riêng của toán tử tuyến tính, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong Kỹ thuật, kinh tế.

### **7. Giải tích 1**

**4TC**

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về hàm số một biến số thực; giới hạn và sự liên tục của hàm số một biến số; đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số; tích phân; chuỗi, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong Kỹ thuật, kinh tế.

### **8. Xác suất và thống kê**

**2 TC**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Xác suất và Thống kê: các phép tính về xác suất, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, lý thuyết mẫu, ước lượng các tham số của đại lượng ngẫu nhiên, kiểm định giả thiết thống kê, lý thuyết về tương quan và hồi quy, giúp người học có kiến thức nền tảng cơ bản về lý thuyết Xác suất thống kê để phục vụ trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học trong trường đại học cũng như trong cuộc sống.

### **9. Tiếng Anh 1**

**3 TC**

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở cấp độ đầu của trình độ A2, liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như: con người, vật sở hữu, địa điểm, thời gian rảnh, đồ ăn, tiền bạc.

Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng ngữ pháp của học phần để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản ở cấp độ đầu của trình độ A2.

### **10. Tiếng Anh 2**

**3 TC**

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như những cuộc hành trình, điện mạo, phim và loại hình nghệ thuật, khoa học, du lịch, Trái Đất... ở trình độ A2

Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng các kiến thức từ và vựng ngữ pháp của học phần để hình thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản ở trình độ A2.

## **11. Tiếng Anh 3**

**3 TC**

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở cấp độ đầu của trình độ B1, liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như: quê nhà và thói quen, cuộc sống thường ngày của học sinh - sinh viên, thời gian rảnh, thể giới, cách sống khỏe mạnh...

Học phần này cũng cung cấp các bài luyện tập đa dạng giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp được học trong học phần để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở cấp độ đầu của trình độ B1.

## **12. Giáo dục quốc phòng**

### **13. Pháp luật đại cương**

**2 TC**

Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức đại cương, bao gồm các nội dung: khái quát chung về nhà nước; khái quát chung về pháp luật; hệ thống pháp luật Việt Nam; luật Hiến pháp Việt Nam; luật hành chính Việt Nam; luật dân sự Việt Nam; luật hình sự Việt Nam; luật hôn nhân và gia đình Việt Nam; luật phòng, chống tham nhũng. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật, áp dụng vào thực tiễn, nâng cao ý thức pháp luật, đánh giá và định hướng hành vi xử sự của bản thân và những người xung quanh theo chuẩn mực pháp lý, tôn trọng và thực hiện pháp luật.

### **14. Giáo dục thể chất bắt buộc**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản trong môn Thể dục và Điền kinh. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

### **15. Giáo dục thể chất tự chọn**

#### **15.1. Giáo dục thể chất tự chọn cơ bản**

Giáo dục thể chất tự chọn cơ bản là môn học tự chọn đối với sinh viên hệ chính quy trong toàn trường. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, kỹ thuật cơ bản của từng nội dung môn học. Qua đó sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu để nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; hình thành nhân cách và lối sống lành mạnh;.... đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện cho sinh viên.

#### **15.2. Giáo dục thể chất tự chọn nâng cao**

Trên cơ sở là các kiến thức đã được trang bị trong nội dung môn cầu lông 1, cầu lông 2 ôn tập, đào sâu và mở rộng các kiến thức đã học qua đó giúp sinh viên vận dụng vào trong tập luyện và thi đấu cầu lông để nâng cao sức khỏe, nâng cao trình độ kỹ thuật, có thể tiến hành thi đấu, tổ chức thi đấu, tham gia vào các hoạt động thể thao phong trào quần chúng góp phần làm lành mạnh hóa đời sống văn hóa tinh thần.

## **16. Tự chọn 1**

**2TC**

### **16.1. Lịch sử các học thuyết kinh tế**

**3TC**

Lịch sử các học thuyết kinh tế là học phần tự chọn dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế; chủ nghĩa Trọng thương; trường phái kinh tế chính trị học cổ điển; học thuyết kinh tế của K.Marx – V.I.Lênin; học thuyết kinh tế của Trường phái Tân cổ điển; học thuyết kinh tế Trường phái Keynes; học thuyết kinh tế của Trường phái Chính hiện đại. Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của các học thuyết kinh tế theo thời gian.

### **16.2. Xã hội học**

**3TC**

Học phần trình bày những khái niệm cơ bản của xã hội học và một số lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học như: Xã hội học đô thị, Xã hội học nông thôn, Xã hội học gia đình, Văn hóa xã hội, Cơ cấu xã hội và Điều tra xã hội học.

## **17. Kỹ thuật cơ khí đại cương**

**3TC**

Học phần Kỹ thuật cơ khí đại cương giới thiệu các kiến thức cơ bản về ngành kỹ thuật cơ khí: sản xuất cơ khí; vật liệu kỹ thuật; cơ cấu, hệ thống và nguyên lý truyền động trong cơ khí; các quá trình gia công cơ khí; cơ bản về kỹ thuật, công nghệ và hoạt động của máy công cụ thông dụng, máy công cụ CNC.

## **18. Kỹ thuật điện đại cương**

**3TC**

Môn học này cung cấp kiến thức tổng quan về kỹ thuật thuộc lĩnh vực điện; kiến thức lý thuyết và phương pháp tính toán các bài toán mạch điện tuyến tính với dòng hình sin, mạch điện xoay chiều một pha và ba pha; kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc và cách phân tích các bài toán của các loại máy điện như: máy biến áp, máy điện không đồng bộ; Kiến thức về cấu tạo, nguyên lý làm việc và cách phân tích các mạch điện tử cơ bản.

## **19. Luật kinh doanh**

**2TC**

Học phần Luật kinh doanh là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung khái quát chung về ngành luật kinh doanh, quy chế pháp lý về thành lập, quản lý, điều hành và tổ chức lại các loại hình doanh nghiệp; pháp luật phá sản doanh nghiệp và giải quyết tranh chấp kinh doanh theo quy định pháp luật Việt Nam. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được các quy định cơ bản của pháp luật kinh doanh, biết một số kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam.

## **20. Toán kinh tế**

**3TC**

Toán kinh tế là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: giới thiệu về cách tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu kinh tế; cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế một mô hình; giới thiệu về một số mô hình kinh tế đang được áp dụng trên thực tế; cung cấp hệ thống lý luận về phương pháp giải một số bài toán

tối ưu hóa; ứng dụng lý thuyết trò chơi ra quyết định trong trường hợp thiếu thông tin. Học phần này sẽ giúp sinh viên có thêm kiến thức và kỹ năng để giải quyết các vấn đề liên quan đến các bài toán kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

### **21. Kinh tế học vi mô**

**3TC**

Kinh tế học vi mô là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: tổng quan về kinh tế học; cung - cầu; độ co giãn; lý thuyết hành vi người tiêu dùng; lý thuyết hành vi nhà sản xuất; cấu trúc thị trường; thị trường yếu tố sản xuất; vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Học phần này giúp sinh viên làm quen với các thuật ngữ kinh tế, các nguyên lý kinh tế cơ bản, các quy luật kinh tế và các phương pháp nghiên cứu kinh tế; là cơ sở, nền tảng để sinh viên có thể tiếp cận các kiến thức chuyên ngành sau này.

### **22. Kinh tế học vĩ mô**

**3TC**

Kinh tế học vĩ mô là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn lịch sử các học thuyết kinh tế; khái quát về kinh tế học vĩ mô; tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân; tổng cầu và chính sách tài khoá; tiền tệ và chính sách tiền tệ; mô hình IS - LM và chính sách kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế đóng; lạm phát và thất nghiệp; kinh tế vĩ mô trong một nền kinh tế mở. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được ý nghĩa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và đánh giá được những tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô đến doanh nghiệp và hộ gia đình.

### **23. Lý thuyết tài chính tiền tệ**

**3TC**

Lý thuyết tài chính tiền tệ là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Tổng quan về tài chính và tiền tệ; tổng quan về hệ thống tài chính; tài chính doanh nghiệp; các tổ chức tài chính trung gian; lãi suất; chính sách tiền tệ; lạm phát. Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức để giải quyết một số vấn đề tài chính tiền tệ phát sinh trong thực tiễn và là nền tảng giúp sinh viên tiếp thu kiến thức chuyên ngành có liên quan.

### **24. Nguyên lý kế toán**

**3TC**

Nguyên lý kế toán là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán. Học phần này cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán, là cơ sở tiếp thu các kiến thức chuyên ngành có liên quan.

### **25. Marketing căn bản**

**3TC**

Marketing căn bản thuộc hệ thống các học phần cơ sở ngành của ngành Quản lý công nghiệp. Học phần gồm 2 nội dung chính: những vấn đề chung của marketing (Thu thập thông tin từ thị trường, nghiên cứu đặc điểm và các yếu tố tác động lên thị trường kinh doanh của doanh nghiệp, phân tích hành vi tiêu dùng, cách phân đoạn các thị trường, lựa chọn thị trường

mục tiêu); các công cụ marketing phổ biến được sử dụng trong các doanh nghiệp (Sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến hỗn hợp). Học phần sẽ trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các hoạt động định hướng thị trường của tổ chức, là nền tảng để tiếp thu các kiến thức chuyên ngành có liên quan.

## **26. Thống kê doanh nghiệp**

**3TC**

Thống kê doanh nghiệp là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: phương pháp tính các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; cách tính các chỉ tiêu thống kê về tình hình sử dụng lao động; đánh giá tài sản cố định; phương pháp xác định các chỉ tiêu thống kê nguồn vốn của doanh nghiệp. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được phương pháp và rèn luyện kỹ năng tính toán các chỉ tiêu thống kê trong doanh nghiệp.

## **27. Nguyên lý thống kê**

**2TC**

Nguyên lý thống kê là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: các giai đoạn chính của quá trình nghiên cứu thống kê; các phương pháp phân tích thống kê thường dùng; các hình thức tiến hành điều tra, thu thập thông tin; các bước tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin bằng việc sử dụng phương pháp phân tích thống kê khác nhau như: thống kê mô tả, phân tích sự biến động của hiện tượng. Học phần này sẽ giúp sinh viên nắm được kiến thức và rèn luyện một số kỹ năng tính toán các chỉ tiêu trong phân tích kinh tế, làm nền tảng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành liên quan.

## **28. Phân tích hoạt động kinh doanh**

**3TC**

Phân tích hoạt động kinh doanh là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: tổng quan về phân tích hoạt động kinh doanh; phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; phân tích tình hình sử dụng các yếu tố trong sản xuất kinh doanh; phân tích về chi phí, giá thành sản phẩm, tiêu thụ và lợi nhuận; phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức đã học vào phân tích và đánh giá tình trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, để đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

## **29. Quản trị học**

**3 TC**

Quản trị học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở của chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung kiến thức về: Tổ chức/doanh nghiệp và môi trường hoạt động của tổ chức/doanh nghiệp; nhà quản trị và hoạt động ra quyết định của nhà quản trị; 04 chức năng quản trị lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Học phần quản trị học giúp sinh viên có góc nhìn tổng quan về hoạt động của một tổ chức/doanh nghiệp, đồng thời đóng vai trò cung cấp kiến thức nền tảng cho sinh viên tiếp thu các học phần quản trị lĩnh vực trong khối kiến thức chuyên ngành.



### **30. Kế toán quản trị 2**

**2TC**

Kế toán quản trị 2 là học phần bắt buộc dành cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Khái niệm, bản chất, đối tượng, vai trò, phương pháp của Kế toán quản trị; Các phương pháp phân loại chi phí; Mối quan hệ Chi phí – Khối lượng – Lợi nhuận; Nhận diện, phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn. Học phần này sẽ giúp sinh viên hiểu, biết cách vận dụng để thu thập và cung cấp thông tin giúp Nhà quản trị đưa ra các quyết định quản lý trong quá trình điều hành doanh nghiệp

### **31. Tài chính doanh nghiệp**

**3TC**

Tài chính doanh nghiệp là học phần cơ sở bắt buộc đối với sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp gồm phân tích báo cáo tài chính, dòng tiền, định giá dòng tiền chiết khấu, giá trị hiện tại ròng và các nguyên tắc đầu tư khác; ra quyết định đầu tư; phân tích rủi ro, quyền chọn thực; lãi suất, định giá trái phiếu, và định giá cổ phiếu. Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích tài chính doanh nghiệp để sử dụng các nguồn lực tài chính một cách hiệu quả.

### **32. Giao tiếp kinh doanh**

**3TC**

Giao tiếp kinh doanh là học phần cơ sở ngành Quản lý công nghiệp. Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về giao tiếp kinh doanh (các hình thức và phương tiện giao tiếp) và các kỹ năng trong giao tiếp kinh doanh, cách ứng xử với các đối tượng giao tiếp khác nhau ở nơi làm việc. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản trong cuộc sống, trong kinh doanh để có thể nhanh chóng hòa nhập với môi trường thực tế sau khi tốt nghiệp.

### **33. Kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính và hợp đồng kinh doanh**

**2TC**

Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính và hợp đồng kinh doanh là học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo sinh viên khối ngành kinh tế, bao gồm các nội dung: Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng và kỹ năng soạn thảo hợp đồng cơ bản, đặc biệt là trong kinh doanh. Học phần này nhằm giúp sinh viên hiểu biết về các loại văn bản hành chính và hợp đồng kinh doanh cũng như kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng và một số hợp đồng kinh doanh, từ đó giúp ích cho sinh viên trong công việc và cuộc sống sau khi ra trường.

### **34. Đề án Kinh tế học**

**1TC**

Đề án kinh tế học là học phần cơ sở bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành kinh tế nhằm áp dụng các kiến thức kinh tế cơ bản để giải quyết các bài toán trong thực tế như tìm hiểu về cung, cầu, chi phí, giá cả, doanh thu, lợi nhuận, cạnh tranh và độc quyền; biết cách phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, thu nhập quốc dân, thất nghiệp, lạm phát. Học phần này củng cố kiến thức của học phần Kinh tế vi mô và Kinh tế vĩ mô trang bị thêm cho sinh viên kỹ năng sử dụng các công cụ, các mô hình và các phương pháp kinh tế học để giải quyết một bài toán kinh tế cụ thể.

### **35. Quản trị nguồn nhân lực**

**3TC**

Quản trị nguồn nhân lực là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên ngành Quản lý công nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung: xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực, phân tích công việc, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, giải quyết các quan hệ lao động trong doanh nghiệp. Học phần sẽ giúp cho sinh viên nắm được phương pháp nhằm thu hút, sử dụng và duy trì lực lượng lao động đủ về lượng, đúng về chất và đồng bộ về cơ cấu, đáp ứng yêu cầu của các hoạt động trong doanh nghiệp.

### **36. Quản trị chất lượng**

**3TC**

Quản trị chất lượng là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm ba nội dung chính: những vấn đề chung về quản trị chất lượng (vị trí, vai trò, các nguyên tắc và phương pháp quản trị chất lượng); một số hệ thống quản trị chất lượng đang được sử dụng trong các doanh nghiệp hiện nay như ISO, TQM...; một số kỹ thuật và công cụ thống kê trong quản lý chất lượng và các công cụ đảm bảo, cải tiến chất lượng. Học phần giúp sinh viên có những hiểu biết và vận dụng vào việc quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý hoạt động của doanh nghiệp một cách có hiệu quả.

### **37. Quản lý dự án**

**4TC**

Quản lý dự án là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: khái quát về dự án và đặc điểm, vai trò của dự án; lựa chọn dự án và quản lý danh mục dự án của doanh nghiệp; lập các kế hoạch dự án (phạm vi, tiến độ, tài chính,...); thực hiện và kiểm soát quá trình thực hiện dự án. Học phần giúp cho sinh viên hiểu rõ hơn một cách toàn diện về dự án – công cụ triển khai chiến lược kinh doanh phổ biến trong nền kinh tế hiện nay đồng thời trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể hòa nhập với phương thức làm việc này sau khi ra trường.

### **38. Quản lý sản xuất công nghiệp**

**4TC**

Quản lý sản xuất công nghiệp là học phần chuyên ngành của ngành Quản lý công nghiệp. Học phần bao gồm những nội dung chính: Dự báo nhu cầu, quản trị công suất, lập kế hoạch, tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp, quản trị dự trữ sản xuất hệ thống, cung cấp đúng thời hạn trong hệ thống sản xuất sản phẩm công nghiệp, xác định mối quan hệ chặt chẽ với các chức năng quản lý khác và cung cấp các công cụ, phương pháp điều độ sản xuất, kiểm soát hệ thống sản xuất... Học phần sẽ giúp cho sinh viên nắm được phương pháp tổ chức và điều hành sản xuất trong doanh nghiệp.

### **39. Quản trị chuỗi cung ứng**

**3TC**

Quản trị chuỗi cung ứng là học phần bắt buộc trong chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: cấu trúc và hoạt động của chuỗi, vai trò, trách nhiệm cũng như ảnh hưởng của mỗi thành viên trong cơ cấu chi phí, giá trị và lợi nhuận của chuỗi; các hoạt động chính trong quản trị chuỗi (lập kế hoạch, tìm nguồn cung ứng, điều hành sản xuất và điều phối

tiêu thụ sản phẩm, hệ thống thông tin và quá trình phối hợp, hợp tác hoạt động của chuỗi, phân tích đo lường hiệu quả hoạt động của chuỗi cung ứng). Học phần giúp sinh viên nắm được bản chất và cấu trúc của chuỗi cung ứng trong mối quan hệ với các chức năng quản trị khác của doanh nghiệp.

#### **40. Quản trị chiến lược**

**3TC**

Quản trị chiến lược là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung kiến thức về: khái quát về chiến lược, quá trình phát triển và mô hình quản trị chiến lược; phân tích môi trường vĩ mô và vi mô để xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ của doanh nghiệp; phân tích và lựa chọn chiến lược thích hợp cho từng cấp chiến lược của doanh nghiệp (cấp doanh nghiệp, cấp đơn vị kinh doanh và cấp chức năng); thực thi và điều chỉnh chiến lược. Học phần quản trị chiến lược trang bị cho sinh viên phương pháp tư duy về xây dựng chiến lược và những cơ sở khoa học giúp sinh viên tìm kiếm các giải pháp giúp tổ chức/doanh nghiệp/cá nhân đạt được mục tiêu mong muốn.

#### **41. Quản lý công nghệ**

**2TC**

Quản lý công nghệ là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành Quản lý công nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung: hoạch định và đánh giá công nghệ, lựa chọn và chuyển giao công nghệ; đổi mới và nâng cao năng lực công nghệ của tổ chức. Học phần sẽ giúp người học nắm các kiến thức để áp dụng vào quá trình quản lý công nghệ trong tổ chức một cách hiệu quả.

#### **42. Định mức lao động**

**2TC**

Định mức lao động là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung kiến thức về: cơ sở khoa học của định mức lao động; các phương pháp định mức lao động; các tiêu chuẩn kỹ thuật trong định mức lao động và ứng dụng định mức lao động trong một số ngành cụ thể. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng để quản lý định mức lao động trong doanh nghiệp công nghiệp.

#### **43. Kinh tế công nghiệp**

**3TC**

Kinh tế công nghiệp là học phần bắt buộc dành cho sinh viên khối ngành quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: đặc điểm, cấu trúc, xu hướng phát triển của công nghiệp nói chung và ngành công nghiệp Việt Nam nói riêng; công tác quản lý của Nhà nước đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành và sự phát triển chung của ngành. Học phần này trang bị thêm cho sinh viên các kiến thức cần thiết để có thể làm việc ở các cơ quan quản lý công nghiệp cũng như tại các khu chế xuất, khu công nghiệp.

#### **44. Đề án Quản lý dự án**

**1TC**

Đề án Quản lý dự án là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung về: phân tích môi trường để đánh giá và lựa chọn dự án; phân tách các công việc của dự án và lập kế hoạch tiến độ, tài chính trên cơ sở phân tách đó. Học phần nhằm củng cố lại các kiến thức đã học về Quản lý dự án của sinh viên và trang bị

thêm cho sinh viên những kỹ năng thực tế trong lập kế hoạch cho một dự án cũng như tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong quản lý dự án.

#### **45. Đề án Quản lý sản xuất công nghiệp**

**1TC**

Đề án quản lý sản xuất công nghiệp là học phần chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Tìm hiểu quá trình sản xuất sản phẩm tại doanh nghiệp, đặc trưng sản phẩm và lựa chọn công nghệ, định vị doanh nghiệp, bố trí sản xuất trong doanh nghiệp. Học phần nhằm củng cố lại các kiến thức đã học về Quản lý sản xuất công nghiệp và trang bị thêm cho sinh viên những kỹ năng thực tế trong hoạch định tổng hợp, hoạch định nguyên vật liệu, điều độ sản xuất ...

#### **46. Tự chọn 2**

**2TC**

##### **46.1. Đấu thầu**

**2TC**

Đấu thầu là một trong những học phần tự chọn dành cho sinh viên ngành quản lý công nghiệp, học phần bao gồm các nội dung: Cách thức lập kế hoạch đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, lập hồ sơ đấu thầu, lập hợp đồng đấu thầu và áp dụng các phương pháp đấu thầu trong các trường hợp khác nhau. Học phần này trang bị cho sinh viên các kỹ năng về lập hồ sơ đấu thầu và cung cấp các kiến thức, nghiệp vụ đấu thầu và tư vấn đấu thầu.

##### **46.2. Tin học trong quản lý dự án**

**2TC**

Tin học trong quản lý dự án là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành quản lý công nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin, ứng dụng phần mềm trong quản lý dự án, giới thiệu việc ứng dụng EXCEL trong việc lập dự án, sử dụng các hàm trong EXCEL để tính toán các chỉ tiêu hiệu quả và 1 số ứng dụng của phần mềm Microsoft Project trong quản lý dự án nhằm trợ giúp công tác lập kế hoạch và quản lý dự án như xây dựng biểu đồ GANTT, sơ đồ mạng PERT/CPM và phân phối nguồn lực cho các công việc của dự án. Học phần này trang bị cho sinh viên những kỹ năng sử dụng tin học trong quản lý dự án thực tế.

#### **47. Tự chọn 3**

**2TC**

##### **47.1. Quản trị thương mại trong doanh nghiệp công nghiệp**

**2TC**

Quản trị thương mại trong doanh nghiệp công nghiệp là một trong những học phần tự chọn ngành quản lý công nghiệp. Học phần bao gồm các nội dung: hoạch định và thực thi chương trình thương mại của doanh nghiệp công nghiệp; hành vi ứng xử của doanh nghiệp trên các thị trường nhằm góp phần đạt được hệ thống các mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp. Học phần này giúp sinh viên bổ sung kiến thức về hoạt động thương mại, từ đó dễ dàng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau sau khi tốt nghiệp.

##### **47.2. Kinh doanh quốc tế**

**2TC**

Kinh doanh quốc tế là học phần tự chọn trong khối kiến thức chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung về: nghiệp vụ kinh doanh quốc tế, các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến việc xâm nhập thị trường toàn cầu, cách thức thiết lập các phương án

kinh doanh, các phương thức hoạt động giao dịch và đầu tư thích hợp để có thể tăng lợi nhuận cũng như mang lại hiệu quả tối ưu từ việc mở rộng thị trường ngoài nước. Học phần này trang bị thêm cho sinh viên các kiến thức kỹ năng để có thể nhanh chóng thích nghi và hòa nhập với môi trường làm việc quốc tế.

#### **48. Thực tập cơ sở ngành Quản lý công nghiệp**

**2TC**

Thực tập cơ sở chuyên ngành Quản lý Công nghiệp nằm trong nhóm học phần chuyên ngành Quản lý công nghiệp, bao gồm các nội dung: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở 3 năm gần nhất; lựa chọn và báo cáo chi tiết thực trạng một trong bốn hoạt động sản xuất kinh doanh chính của cơ sở; nhận xét những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân hạn chế; đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực lựa chọn báo cáo. Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức lý thuyết vào tìm hiểu thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp.

#### **49. Thực tập tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp**

**3TC**

Học phần Thực tập tốt nghiệp là học phần thực tế chuyên môn dành cho sinh viên của ngành Quản lý công nghiệp. Dựa trên cơ sở kiến thức và chuyên môn đã học, học phần cung cấp cho sinh viên cơ hội đánh giá thực tế áp dụng các lý thuyết đã học tại các cơ sở thực tập. Học phần này giúp SV rèn luyện kỹ năng làm việc trong thực tiễn để tìm hiểu và hoàn thành báo cáo về: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, thực trạng các hoạt động quản trị kinh doanh tại đơn vị thực tập; nhận xét những kết quả đã đạt được, những vấn đề còn tồn tại và nguyên nhân hạn chế; đưa ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị thực tập.

#### **50. Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản lý công nghiệp**

**6TC**

Học phần Khóa luận tốt nghiệp nằm trong nhóm học phần chuyên ngành của ngành Quản lý công nghiệp. Sinh viên hoàn thành báo cáo khóa luận tốt nghiệp về: Cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu; phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị nghiên cứu và thực trạng hoạt động nghiên cứu (số liệu được phân tích, đánh giá của đơn vị nghiên cứu 03 năm gần nhất); đề xuất một số giải pháp cụ thể giúp đơn vị nghiên cứu khắc phục được những tồn tại. Học phần này giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, vận dụng những kiến thức lý luận vào thực tế hoạt động quản trị trong tổ chức trong mối liên hệ với các yếu tố môi trường ngành, môi trường vĩ mô, nghiên cứu sâu một hoạt động (lĩnh vực) cụ thể của tổ chức, các khía cạnh liên quan đến vấn đề thực tiễn để đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh hay giải quyết vấn đề cụ thể đang tồn tại của tổ chức.